

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 820/2023/HC-PT

Ngày: 10/11/2023

V/V: *Khiếu kiện*

quyết định hành chính

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 445/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12418/2023/QĐPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; Bà Ngô Thị Ngọc D, sinh năm 1980; HKTT: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn E, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (có mặt ông C, vắng mặt bà D).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Đỗ Thị Thu H - Luật sư công ty L1 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, (có mặt).

*** Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

- Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức M - Phó Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đinh Đức M1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Ông Lưu Văn Đ - Giám đốc trung tâm quỹ đất, (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Văn N-Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện V, (xin xét xử vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông C1: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu G, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H2 (G), sinh năm 1979; địa chỉ: Khu E, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2020; 14/5/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/12/2021 và trong quá trình tố tụng Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C, bà Ngô Thị Ngọc D trình bày:

Ngày 17/12/2002, UBND huyện V ban hành Quyết định số 759/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đền bù, GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long thuộc xã H, huyện V. Theo quyết định này diện tích đất gia đình ông Nguyễn Văn G1 (bố đẻ của ông C) bị thu hồi là 6.140m² xác định là đất nông nghiệp và được phê duyệt bồi thường là 40.997.234đ. Nhưng gia đình tôi chưa nhận được quyết định thu hồi và các văn bản liên quan nên chưa nhận được số tiền bồi thường theo các quyết định thu hồi và bồi thường nêu trên vào năm 2002. Gia đình tôi vẫn chưa bàn giao mặt bằng đối với diện tích bị thu hồi.

Bố tôi và vợ chồng tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất nằm trong phạm vi bị thu hồi theo Quyết định số 759/QĐ-UBND nêu trên. Năm 2011, bố tôi chết, sau khi bố tôi chết, chỉ có hai vợ chồng tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng và sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất này.

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành các quyết định số 4964; 4965 và 4966/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích trong phạm vi diện tích đã thu hồi theo Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 và có phần mở rộng diện tích đất mà gia đình tôi đang quản lý. Tổng diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 4964 là 2.640,7m² xác định là đất nông nghiệp và xác định phần diện tích đất này do UBND xã H đang quản lý. Vị trí thửa đất tại thửa số 21, 23a, 10 tờ bản đồ GPMB số 01 và thửa số 09 tờ bản đồ GPMB số 2. Tổng diện tích đất bị thu

hồi theo Quyết định số 4965 là 8551m² xác định là đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1. Vị trí thửa đất tại các thửa số 21 tờ bản đồ GPMB số 01, số 21. 22, 23a tờ bản đồ GPMB số 01.

Đồng thời ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4966 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá trị bồi thường thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã được phê duyệt trước đây. Tổng giá trị gia đình tôi được bồi thường hỗ trợ là 1.733.480.000đ.

Tuy nhiên, vợ chồng tôi nhận thấy trong các quyết định số 4964 và 4965/QĐ-UBND có một số nội dung chưa đúng và trong quá trình thu hồi đất, bồi thường và kiểm đếm cho gia đình tôi chưa đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ngày 08/01/2020, tôi đã làm đơn khiếu nại lần 1 gửi Chủ tịch UBND huyện V đề nghị giải quyết khiếu nại của gia đình tôi.

Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại:

Ngày 15/3/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1720 giải quyết khiếu nại cho gia đình tôi. Theo Quyết định này, “Chấp nhận nội dung khiếu nại đối với phần diện tích 660m² đất Nông nghiệp đã lập phương án bồi thường cho UBND xã H là không đúng. Đất này gia đình vẫn sử dụng do khai hoang, không phải đất nhận thầu đề nghị được bồi thường”. Không chấp nhận nội dung khiếu nại khác của gia đình tôi là toàn bộ diện tích 2640,7m² là đất hoang, dự án này không thuộc dự án nhà nước thu hồi. Lập phương án trực tiếp cho vợ chồng tôi và hủy bỏ Quyết định số 759, yêu cầu bồi thường đối với phần tài sản xây dựng, bồi thường đất trong khu dân cư yêu cầu hỗ trợ là 120% và mức 150% mức giá đất nông nghiệp theo Quyết định số 3238 của UBND tỉnh và một số nội dung khác. Nên, gia đình tôi không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1720 nên tôi làm đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Q. Ngày 13/7/2020, Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 177/QĐ-TTr về việc xác minh nội dung khiếu nại của tôi. Đến ngày 19/8/2020, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5653 và không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho gia đình tôi với lý do khiếu nại chưa đúng quy định của pháp luật về Luật Khiếu nại và Luật dân sự năm 2015.

Ngày 03/9/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3623 thu hồi Quyết định số 1720. Lý do của việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720 là do việc ban hành Quyết định nêu trên chưa đảm bảo quy định của pháp luật. UBND huyện V căn cứ văn bản số 5653 của UBND tỉnh Q để ban hành Quyết định số 3623.

Căn cứ vào nội dung giải quyết khiếu nại và nội dung của các Quyết định hành chính bị kiện nêu trên, vợ chồng tôi thấy việc áp dụng các quy định của pháp luật để ban hành các Quyết định nêu trên chưa đúng, cụ thể:

1. Việc ban hành Văn bản số 5653 của UBND tỉnh Q và Quyết định số 3623 của Chủ tịch UBND huyện V chưa đúng quy định của pháp luật bởi:

Căn cứ vào quá trình sử dụng các thửa đất bị thu hồi. Nguồn gốc của các thửa đất bị thu hồi bởi Quyết định 4964/QĐ-UBND và Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V là do bố tôi khai hoang, phục hóa từ những năm 1990. Khi bố tôi bắt đầu khai hoang thì bố tôi chuyển dần xuống các thửa này ở thôn A xã H để ở. Đến năm 1999, khi bố mẹ tôi ly hôn, bố mẹ tôi có phân chia đất đai, nhà cửa và khi đó tôi chưa lập gia đình nên tôi chuyển xuống sinh sống và trực tiếp sản xuất, lao động với bố tôi từ đó đến nay. Năm 2011, bố tôi có giấy chuyển tặng ao hồ và ruộng định xuất cho vợ chồng tôi. Giấy chuyển tặng này có gửi lên Thôn để xin xác nhận và làm chứng. Sau đó tôi nộp lên UBND xã H, đã được Chủ tịch UBND xã H thời điểm đó là ông Đ2 xác nhận vào ngày 26/7/2011 và chuyển cho ông N để giải quyết. Do thời điểm đó, các khu đất bị thu hồi vào dự án V nên UBND xã H không cho tôi đăng ký sang tên mà bảo cứ cầm giấy này về, khi nào thu hồi lại thì đưa ra, tôi vẫn là người được hưởng. Mặt khác, tôi và bố tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã H, huyện V.

Đối với tài sản gắn liền với đất bị thu hồi là các ao, chuồng trại chăn nuôi, nhà tạm để chứa thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản là do vợ chồng tôi trực tiếp tạo dựng.

Như vậy, khi UBND huyện V thu hồi các thửa đất của gia đình tôi, trong đó vợ chồng tôi là người trực tiếp sản xuất và tạo dựng tài sản trên đó, thì quyền lợi của vợ chồng tôi bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định này. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 7 Luật khiếu nại năm 2011, vợ chồng tôi là người có quyền khiếu nại đối với các Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất của tôi. Những người thừa kế của bố tôi nếu thấy cần thiết thì họ khiếu nại, hoặc trong quá trình giải quyết cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể đưa những người này vào với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét về trình tự thủ tục khiếu nại của tôi: Tôi đã làm đơn khiếu nại, có đầy đủ nội dung theo khoản 2 Điều 8 Luật Khiếu nại năm 2011. Tôi đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục Điều 7 của Luật Khiếu nại năm 2011 và đơn khiếu nại của tôi đã trong thời hạn luật định. Khi tôi không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện V là Quyết định số 1720, thì tôi có làm đơn khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch UBND tỉnh Q. Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Q không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

Căn cứ thẩm quyền và hình thức của văn bản số 5653 của UBND tỉnh Q là trái quy định của pháp luật, vi phạm thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Tôi khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Q nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Q không ban

hành Quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành Văn bản số 5653 là vi phạm Điều 21 và các Điều tại Mục 3 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định 3236 của Chủ tịch UBND huyện V căn cứ vào Văn bản số 5653 của UBND tỉnh Q để thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720 là trái quy định của pháp luật. Hơn thế nữa, tôi khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3623 để thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 nhưng không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 cho tôi là trái với quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng có căn cứ để hủy bỏ Quyết định số 3236 của Chủ tịch UBND huyện V và văn bản số 5653 của UBND tỉnh Q.

2. Đối với trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1720 của Chủ tịch UBND huyện V, và các Quyết định số 4964, 4966 của UBND huyện V là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nội dung, căn cứ áp dụng để ban hành của các Quyết định này chưa đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Đối với Quyết định số 4964 của UBND huyện V xác định chủ thể bị thu hồi đất là UBND xã H là không chính xác. Quyết định này thể hiện vị trí của diện tích đất bị thu hồi là các thửa đất số 21, số 23a và số 10 của tờ bản đồ GPMB số 1 và các thửa đất số 09 tờ bản đồ GPMB số 02.

Về nguồn gốc diện tích 2640,7m² đều là các diện tích mà gia đình tôi khai hoang từ năm 1990. Sinh thời khi bố tôi còn sống cũng không ký hợp đồng hoặc đăng ký nhận thầu khoán bất kỳ một diện tích nào của UBND xã H. Bản thân tôi cũng đã có làm đơn đề nghị UBND xã H hồ sơ cho rằng gia đình tôi nhận thầu khoán của xã và tại Thông báo số 65/TB-UBND ngày 10/6/2020, UBND xã H cũng trả lời tôi về nội dung “Đối với quyết định giao thầu và sổ thầu hiện nay lưu trong kho lưu trữ của địa phương không còn lưu ... Đối với sổ mục kê hiện nay UBND xã H còn lưu giữ 01 quyển sổ mục kê đội 1 ghi chép thống kê các hộ được Nhà nước giao đất năm 1996 theo Nghị định số 64 của Chính phủ. Tại trang thứ tự số 72 và mặt sau của trang số 72 quyển sổ mục kê thuộc đội 1 mang tên ông Nguyễn Văn G1 bao gồm các thửa đất tại bản đồ giải thửa số 3, số 4 Hợp tác xã V được ghi là đất thầu ...”. Như vậy, tại UBND xã H cũng không còn tài liệu chứng minh nhà tôi nhận thầu. Theo quy định của Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài thì các hộ gia đình quản lý đất nông nghiệp được điều chỉnh bởi Nghị định số 64 này là đất nông nghiệp được giao, không có điều khoản nào ghi nhận là được nhà nước cho thầu. Cụ thể tại Điều 1 có ghi nhận rõ vấn đề giao hay thầu. Nên, việc trong sổ mục kê ghi nhận đất thầu là không chính xác. Điều này cũng được chứng minh rất rõ nếu đất mà giao khoán, thầu thì sẽ được điều chỉnh bởi Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 về giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp... khi đó theo Điều 6 của Nghị định này

thì hồ sơ khoán gồm có Đơn xin nhận khoán, hợp đồng khoán, trích lục bản đồ hoặc sơ đồ khu vực đất giao khoán, biên bản giao nhận khoán đất... hồ sơ khoán đất để sản xuất nông nghiệp làm thành 02 bản, một bản cho bên giao khoán và 01 bản cho bên nhận khoán... Nhưng gia đình tôi không có bất kỳ một bản nào trong danh mục liệt kê và UBND xã H cũng không có một bản nào thì không thể cho rằng đất nhà tôi là nhận thầu.

Xét về quá trình sử dụng đất, gia đình tôi vẫn canh tác, quản lý, sử dụng diện tích đất 2640,7m² đất nêu trên từ năm 1990 đến nay. Tôi hiện tại cũng không nhận được tài liệu chứng minh là UBND xã H đang quản lý diện tích này. Mặt khác, đối với diện tích 2640,7m² đất này khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho rằng gia đình tôi nhận thầu, nhưng toàn bộ diện tích này không nằm trên cùng một thửa đất mà lại nằm trên nhiều thửa đất khác nhau, hơn thế nữa lại không phải là các thửa đất độc lập mà là các thửa đất lại được xác định là thửa đất của gia đình tôi.

Do vậy, diện tích 2640,7m² đất bị thu hồi bởi Quyết định số 4964 là đất do gia đình tôi khai hoang và gia đình tôi đã đăng ký và được xác định trên bản đồ địa chính số 42 năm 2012, bản đồ địa chính này được xác nhận bởi UBND xã H. Nếu như đất do UBND xã H quản lý thì không thể xác nhận đất có chủ sử dụng đất là của người dân được. Đây không phải là đất nhận thầu, nên gia đình tôi đủ điều kiện được bồi thường 100% khi thu hồi diện tích 2640,7m².

Thứ hai: Trong quyết định số 4966 của UBND huyện V áp dụng tỉ lệ bồi thường 2640,7m² với tỉ lệ 30% là không chính xác. Như đã phân tích ở phần thứ nhất thì diện tích này gia đình tôi đủ điều kiện bồi thường và phải được bồi thường theo tỷ lệ 100%.

Thứ ba: Quyết định 4966 không phê duyệt phương án bồi thường vật kiến trúc trên thửa đất số 21 tờ bản đồ GPMB số 01 cho gia đình tôi là không đúng quy định của pháp luật bởi:

Các công trình xây dựng này tôi xây dựng trước thời điểm có thông báo số 271/TB-UBND ngày 04/7/2018 của UBND huyện V. Gia đình tôi sử dụng đất là các ao nuôi trồng thủy sản, có ngôi nhà gia đình tôi xây dựng từ năm 2003 để trông coi ao và tiện sinh hoạt ở đó để canh tác, các công trình của tôi xây dựng trên đất là để phục vụ mục đích nuôi trồng thủy sản, vườn, ao chuồng của gia đình tôi. UBND xã H xử phạt vi phạm hành chính với gia đình tôi tại Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/5/2018, với lý do: Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp. Việc xử phạt này đối với gia đình tôi là không đúng, bởi vì các công trình tôi xây hoàn toàn phục vụ cho mục đích nông nghiệp là chuồng trại chăn nuôi, là công trình chứa thức ăn để nuôi cá trong ao. Các thửa đất gia đình tôi khai hoang không phải là đất màu, chưa đăng ký với một mục đích

nhất định mà chỉ phục vụ vào mục đích nông nghiệp. Mà căn cứ vào khoản 1 Điều 10 Luật đất đai 2013 thì nhóm đất nông nghiệp bao gồm cả đất xây dựng chuồng trại, chăn nuôi gia súc, gia cầm ... Căn cứ vào khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 thì việc sử dụng một phần đất nông nghiệp để làm chuồng trại và chăn nuôi thì không thuộc trường hợp phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được chuyển mục đích sử dụng đất. Nên gia đình tôi không phải chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Nên căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của gia đình tôi, vật kiến trúc của gia đình tôi, căn cứ vào Điều 88, Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 thì các vật kiến trúc này của gia đình tôi phải được bồi thường 100%. Do đó, Quyết định 4966 không bồi thường các công trình này cho gia đình tôi là trái với các quy định nêu trên.

Thứ tư: UBND huyện V không kiểm đếm khối lượng đào ao của gia đình tôi. Đồng thời việc bồi thường khối lượng đắp bờ ao cho gia đình tôi bằng đơn giá 92.448đ/m³ theo đơn giá thủ công bằng cơ giới là chưa chính xác. Bởi:

Gia đình tôi bắt đầu đào ao từ năm 1991, đến năm 2000 thì hoàn thiện tất cả 5 ao, việc đào ao được đào bằng tay. Tuy nhiên, vào thời điểm kiểm đếm ngày 11/12/2019, cơ quan kiểm đếm chỉ kiểm đếm khối lượng đắp đất bờ ao mà không kiểm đếm khối lượng đào. Như vậy, việc kiểm đếm này đã thiếu sót chưa đúng với quy định tại Điều 1 của Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Q. Đồng thời trong Quyết định số 4966 bồi thường cho gia đình tôi khối lượng đắp bờ với đơn giá thủ công như cơ giới với đơn giá là 92.448 đồng/m³ là chưa chính xác. Bởi gia đình tôi đào bằng tay, thời điểm năm 1991 không thể thuê bằng máy được; mặt khác với địa hình khu đất nhà tôi thì máy cũng không thể vào để thực hiện việc đào đắp ao. Hiện nay, có nhiều có thể người làm chứng để chứng minh cho việc gia đình tôi là đào bằng tay, còn việc đào bằng tay ngày trước gia đình tôi thuê người lao động rảnh rỗi và trả công theo công hàng ngày nên không có hóa đơn, chứng từ được.

Do vậy, gia đình tôi phải được bồi thường công đào ao, do khi thu hồi đất, cơ quan chức năng chưa kiểm đếm khối lượng đào ao nên UBND huyện V phải đo đạc khối lượng đào ao của gia đình và bồi thường khối lượng đào ao này của gia đình và bồi thường khối lượng đào ao này theo quy định của pháp luật.

Còn đối với đơn giá của khối lượng đắp bờ ao cần phải bồi thường cho gia đình tôi theo đơn giá của công trình nông nghiệp đắp bằng thủ công theo đơn giá quy định tại Chương V của Quyết định 4234/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q với đơn giá là 284.667 đồng/m³. Bởi vì, các ao nhà tôi ngoài việc nuôi cá còn dùng để chứa nước tưới tiêu cho các ruộng lúa cây màu khác của gia đình, do địa bàn sản xuất nông nghiệp của chúng tôi không có ao hồ tự nhiên, không có công trình thủy lợi và gần với nước mặn.

Thứ năm: Quyết định số 4966 của UBND huyện V áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho những người thừa kế theo pháp luật của bố tôi là chưa đúng, bởi theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 2 Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thì đều khẳng định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi bị thu hồi đất nông nghiệp phải là trường hợp người lao động thuộc hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và phải đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi. Như vậy, đối chiếu với trường hợp của gia đình tôi, năm 2002 khi bị thu hồi đất thì sản xuất trên đất bị thu hồi có bố tôi và tôi, còn nếu tính từ thời điểm năm 2017 khi bị thu hồi đất bởi Quyết định số 4964, 4965 bố tôi chết, người trực tiếp sản xuất trên diện tích đất bị thu hồi là vợ chồng tôi. Còn những người thừa kế theo pháp luật khác của bố tôi không trực tiếp sản xuất trên đất. Do vậy, vợ chồng tôi phải là đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ này. Đối với trường hợp nhà tôi, việc bồi thường thì số tiền là di sản thừa kế của bố tôi, nhưng đối với chính sách hỗ trợ thì không thể là di sản thừa kế của bố tôi, vì đó không phải là di sản bố tôi còn sống để lại theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự 2015.

Cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm, nên ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu:

(1) Hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V và kiến nghị cách xử lý đối với Quyết định số 1720/QĐ-UBND ban hành trái pháp luật và đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3623/QĐ-UBND.

(2) Hủy một phần Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V về việc xác định chủ sử dụng đất của thửa đất có diện tích 2640,7m² là đất do UBND xã H quản lý. Buộc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1.

(3) Hủy một phần Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 UBND huyện V về các nội dung sau:

- + Tỷ lệ bồi thường 30% số diện tích 2640,7m²;
- + Không bồi thường công trình kiến trúc;
- + Đơn giá khối lượng đắp ao;
- + Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, tìm kiếm việc làm.

Buộc UBND huyện V lập phương án sửa đổi các phần nêu trên như sau:

- + Bồi thường với tỷ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 2640,7m²;

- + Bồi thường vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi;
- + Áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448đồng/m³ thành đơn giá 284.667đồng/m³;

- + Sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành vợ chồng tôi là Nguyễn Văn C – Ngô Thị Ngọc D.

(4) Buộc UBND huyện V tiến hành việc kiểm đếm khối lượng đào ao và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khối lượng đào ao cho gia đình tôi.

(5) Xem xét tính hợp pháp của văn bản số 5653/UBND-TD4 ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Q.

- *Người bị kiện là Chủ tịch UBND và UBND huyện V và Người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 10/5/2002, UBND tỉnh có Quyết định số 1501/QĐ-UB về việc thu hồi và tạm giao 100ha đất của một số hộ dân và của UBND huyện V để tạm giao cho Công ty TNHH C2 để thực hiện dự án Khu D.

Ngày 11/4/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1169/QĐ-UBND “Về việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C2 thuê đất để đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái tại xã H, huyện V”.

Ngày 21/7/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2826/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất của Công ty TNHH C2 cho Công ty Cổ phần Đ3 thuê 707.274,6 m² đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái Bái tử long tại xã H, huyện V.

Ngày 08/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3026/QĐ-UBND “Về việc thu hồi 667.598,3m² đất của Công ty cổ phần Đ3 và cho Công ty Cổ phần Đ4 tiếp tục thuê đất để thực hiện dự án Khu D tại xã H, huyện V”;

Ngày 11/4/2018, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1138/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu T tại xã H, huyện V - tên cũ là Khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Sonasea Dragon Bay”;

Quá trình lập phương án đền bù GPMB dự án.

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 của UBND huyện V “Về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long - xã H - huyện V” trong đó đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn G1 là 40.997.000đ (Bốn mươi triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Căn cứ Ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Q tại Văn bản số 6703/UBND-QLĐĐ1 ngày 13/9/2018 “Về việc cho phép triển khai thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V trong năm 2018”; Văn bản số 4357/UBND-QLĐĐ2 ngày

22/6/2018 “Về việc giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB dự án khu D (nay thuộc quy hoạch dự án Khu T) huyện V”;

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4965/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Nguyễn Văn G1 (ông G1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất chưa thực hiện việc phân chia thừa kế theo quy định), thuộc dự án: Khu T tại xã H, huyện V và Quyết định số 4966/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã được phê duyệt trước đây cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1 (ông G1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất chưa thực hiện việc phân chia thừa kế theo quy định), thuộc dự án: Khu T tại xã H, huyện V.

Do không đồng ý với nội dung thu hồi đất, phê duyệt phương án của UBND huyện V, ông Nguyễn Văn C đã khiếu nại các Quyết định nêu trên.

Ngày 13/5/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 1720/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, trú tại thôn A, xã H, huyện V”, trong đó có nội dung 4 (mục 2.4) không chấp nội dung khiếu nại: *“Yêu cầu lập phương án cho vợ chồng tôi (người đang sử dụng đất) và hủy bỏ Quyết định số 759 ngày 17/12/2002 của ông G1 vì năm 2002 ông G1 chưa nhận tiền và Quyết định này cũng đã có từ gần 20 năm nay nên đã hết hiệu lực”* của ông Nguyễn Văn C.

Đối với nội dung khởi kiện:

Ông, bà Nguyễn Văn C - Ngô Thị Ngọc D khởi kiện: *Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1720/QĐ-CT ngày 13/5/2020 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, trú tại thôn A, xã H, huyện V” với Mục 2.4 đối với nội dung thứ 4 (liên quan đến Quyết định số 4966/QĐ-UBND):*

Ngày 17/12/2002, UBND huyện có Quyết định số 759/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long, xã H, huyện V, trong đó, có hộ ông Nguyễn Văn G1.

Ngày 25/7/2011, ông Nguyễn Văn G1 có giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực, chuyển tặng ao hồ và ruộng cho con là Nguyễn Văn C và Ngô Thị Ngọc D.

Năm 2011, ông Nguyễn Văn G1 chết không để lại di chúc, do vậy khối di sản do ông Nguyễn Văn G1 để lại (nếu có) được phân chia theo pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm thu hồi đất (năm 2019) các ông, bà thuộc hàng thừa kế theo quy định của pháp luật chưa thực hiện phân chia thừa kế.

Căn cứ Điều 689 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định về hình thức chuyển quyền sử dụng đất: *“Việc chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện thông qua hợp đồng. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật”*.

Căn cứ Điều 676 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định Người thừa kế theo pháp luật:

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế theo pháp luật:

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Như vậy, căn cứ các quy định trên, việc chuyển quyền nêu trên là không hợp lệ; khối tài sản do ông Nguyễn Văn G1 để lại được chia theo pháp luật cho những người thừa kế. Do việc phân chia thừa kế chưa được thực hiện nên UBND huyện lập phương án chung cho những người thừa kế là đúng quy định.

Ngày 17/12/2002, UBND huyện có Quyết định số 759/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long, xã H, huyện

V là quyết định có hiệu lực pháp luật, chưa bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai bổ sung, Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND huyện V có quan điểm đối với nội dung sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V. Kiến nghị cách xử lý đối với Quyết định số 1720 ban hành trái quy định của pháp luật và đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3623.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Q “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, trú tại thôn A, xã H, huyện V” tại Văn bản số: 5653/UBND-TD4 ngày 19/8/2020, Báo cáo số 161/BC-TTr ngày 29/7/2020 của Thanh tra tỉnh “Kết quả xác minh, kết luận và giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, trú tại thôn A, xã H, huyện V”;

Ngày 03/9/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số: 3623/QĐ-UBND “Về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-CT, ngày 13/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V” với lý do: *Việc ban hành Quyết định số 1720/QĐ-CT ngày 13/5/2020 chưa đảm bảo quy định của pháp luật.* Ông G1 chết năm 2011, gia đình chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 và chưa xác định được tài sản thừa kế của ông C được hưởng, ông C chưa được 05 người con còn lại cùng hàng thừa kế ủy quyền khiếu nại các quyết định hành chính, nên ông C không phải là người khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại.

Như vậy, việc yêu cầu hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4964 của UBND huyện V về việc xác định chủ sử dụng đất của thửa 2640,7m² đất do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Buộc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất khi thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1.

Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019, được UBND huyện V ban hành về việc thu hồi 2640,7m² đất do UBND xã H quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ngày 20/02/2020, UBND xã H có Báo cáo số 20/BC-UBND và Ban hành bản chứng nhận nhà đất. Ngày 04/3/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND trong đó điều chỉnh diện tích đất thu hồi của UBND xã H là 2097,7m², đồng thời ban hành Quyết định thu hồi đất bổ sung và phê duyệt điều chỉnh giá trị phê duyệt phương án cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 tại Quyết định số 676/QĐ-UBND và Quyết định số 677/QĐ-UBND.

Ngày 22/5/2020, UBND xã H ban hành Bản chứng nhận nhà đất, trong đó có điều chỉnh diện tích 660m² thửa đất số 21 tờ bản đồ GPMB số 1 là do gia đình

ông G1 quản lý sử dụng từ năm 2002 đến 2011... Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án đối với diện tích 660m² cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND và Quyết định số 2034/QĐ-UBND.

Như vậy, Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 được UBND huyện V ban hành về việc thu hồi 2640,7m² đất do UBND xã H quản lý đã được điều chỉnh về nội dung có liên quan đến diện tích đất thu hồi do UBND xã H xác định lại chủ sử dụng đất. Do đó, nội dung khởi kiện không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường với tỷ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi.

Đối với diện tích đất 2640,7m² sau khi được rà soát, điều chỉnh đã được xác định được bồi thường (bồi thường 100%) một phần cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 tại các Quyết định số 676/QĐ-UBND, Quyết định số 677/QĐ-UBND, Quyết định số 2033/QĐ-UBND và Quyết định số 2034/QĐ-UBND. Phần diện tích đất UBND xã H quản lý được xác định là 1437,7m² tại Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 (hỗ trợ 30%). Như vậy, nội dung khởi kiện không có cơ sở.

Đối với yêu cầu Bồi thường vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi;

Theo bản chứng nhận nhà đất, tài sản gắn liền với đất của UBND xã H, ngày 23/8/2019 thì phần tài sản (vật kiến trúc) gia đình xây dựng từ năm 2018, tại thời điểm xây dựng đã bị lập biên bản. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND, ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q thì phần tài sản này không được bồi thường. Do đó, nội dung khởi kiện không có cơ sở.

Đối với yêu cầu áp dụng Đơn giá khối lượng đắp ao; Áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448 đồng/m³ thành đơn giá là 284.667 đồng/m³;

Đối với phần đất đắp bờ ao, bờ đầm đã được UBND huyện lập phương án bồi thường với đơn giá là 92.448 đồng/m³ theo Quyết định số: 21/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Q về việc bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q là đảm bảo quy định. Trong quá trình lập hồ sơ phương án, gia đình không cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh việc đắp bờ ao, bờ đầm bằng thủ công, do đó nội dung khởi kiện không có cơ sở.

Đối với yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành vợ chồng tôi là Nguyễn Văn C - Ngô Thị Ngọc D.

Ngày 17/12/2002, UBND huyện có Quyết định số 759/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử L, xã H, huyện V, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn G1. Năm 2011, ông Nguyễn Văn G1 chết không để lại di chúc, do vậy khối di sản do ông Nguyễn Văn G1 để lại được phân chia

theo pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm thu hồi đất (năm 2019) các ông, bà thuộc hàng thừa kế chưa thực hiện phân chia thừa kế. Căn cứ Điều 689 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định về hình thức chuyển quyền sử dụng đất: *“Việc chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện thông qua hợp đồng. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật”*.

Căn cứ Điều 676 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định Người thừa kế theo pháp luật; Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định Người thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ các quy định, yêu cầu sửa đổi tượng nêu trên là không hợp lệ; tài sản do ông Nguyễn Văn G1 để lại được chia theo pháp luật cho những người thừa kế. Do việc phân chia thừa kế chưa được thực hiện nên UBND huyện lập phương án chung cho những ông, bà thuộc hàng thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn G1 là đúng quy định.

Vì vậy, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm trong phương án bồi thường, hỗ trợ đã lập là những ông, bà thuộc hàng thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn G1 là đúng quy định.

Từ những căn cứ và lập luận nêu trên, UBND huyện V đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

- Đại diện hợp pháp của UBND xã H có quan điểm tương tự quan điểm của UBND huyện V về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

* Tại bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; điểm c khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí toà án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị Ngọc D về các nội dung:

“- Hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V và kiến nghị cách xử lý đối với Quyết định số 1720/QĐ-UBND ban hành trái pháp luật và đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3623/QĐ-UBND.

- Hủy một phần Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V về việc xác định chủ sử dụng đất của thửa đất có diện tích 2640,7m² là đất do UBND xã H quản lý. Buộc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1.

- Hủy một phần Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 UBND huyện V về các nội dung sau:

+ Tỷ lệ bồi thường 30% số diện tích 2640,7m²;

+ Không bồi thường công trình kiến trúc;

+ Đơn giá khối lượng đắp ao;

+ Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, tìm kiếm việc làm.

Buộc UBND huyện V lập phương án sửa đổi các phần nêu trên như sau:

+ Bồi thường với tỷ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 2640,7m²;

+ Bồi thường vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi;

+ Áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448đồng/m³ thành đơn giá 284.667đồng/m³;

+ Sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành vợ chồng tôi là Nguyễn Văn C – Ngô Thị Ngọc D.

- Buộc UBND huyện V tiến hành việc kiểm đếm khối lượng đào ao và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khối lượng đào ao cho gia đình tôi”.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Văn bản số 5653/UBND-TD4 ngày 19/8/2020 UBND tỉnh Q.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 07/QĐ-VKS-HC ngày 20/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ kháng nghị.

- Ông Nguyễn Văn C trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại bản án sơ thẩm, giữ kháng cáo; Ông C và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm và nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, với nội dung: Toàn bộ diện tích đất thu hồi của ông G1 là do ông G1 và gia đình khai hoang, không phải đất của UBND quản lý. Do đó, buộc

UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất khi thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1. Yêu cầu bồi thường với tỷ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi. Bồi thường vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi; Áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448 đồng/m³ thành đơn giá là 284.667 đồng/m³ (toàn bộ việc đào đắp là thủ công cũng như chưa xác định khối lượng đào đất), chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Ngô Thị Ngọc D (vợ chồng ông C là người sử dụng đất bị thu hồi). Xem xét kiến nghị cách xử lý đối với Quyết định số 1720/QĐ-UBND ban hành trái pháp luật và đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3623/QĐ-UBND.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, trong quá trình thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ UBND huyện V đã mời các con của ông G1 đến để giải quyết về phần chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng phía các con của ông G1 không thống nhất được và UBND đã căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 của UBND huyện V “Về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long - xã H - huyện V” trong đó đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn G1. Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4965/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Nguyễn Văn G1 (ông G1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất chưa thực hiện việc phân chia thừa kế theo quy định) và Quyết định số 4966/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã được phê duyệt trước đây cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1 (ông G1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất chưa thực hiện việc phân chia thừa kế theo quy định). Số tiền chi trả thì các con của ông G1 đã tự nguyện phân chia cũng như quyền lợi về việc UBND thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đã được bảo đảm và có lợi cho phía các con của gia đình ông G1.

- Ông Đ1 và bà H2 (Gái) nhất trí với kháng nghị, nhất trí với một phần kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phải bồi thường 100% diện tích đất bị thu hồi, tài sản gia đình bỏ công sức mà có. Không nhất trí với yêu cầu của vợ chồng ông C về yêu cầu chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Ngô Thị Ngọc D.

Ngoài ra, ông bà xác định khi UBND trả tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ thì có các anh chị em là con của ông G1 nhận tiền (trong đó có ông C), tổng

số tiền được bồi thường hỗ trợ là 1.733.480.000đ và đã thỏa thuận và chia tiền tại UBND xã. Phía vợ chồng ông C được chia phần nhiều nhất khoảng 700.000.000 đồng, số tiền còn lại chia cho Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung (tóm tắt): UBND tỉnh Q ban hành Công văn 5653/UBND-TD4 ngày 19/8/2020 có nội dung:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 1720/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện V không đảm bảo quy định, vì ông C không phải là người khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại; căn cứ Công văn này UBND huyện V đã ban hành Quyết định 3623/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 thu hồi, hủy bỏ Quyết định 1720 nêu trên là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện phần này của người khởi kiện.

Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V ban hành về việc thu hồi diện tích 2.640,7m² do UBND xã H quản lý đã được điều chỉnh còn thu hồi 2.097,7m², trong đó 660m² đã lập phương án cho hàng thừa kế của ông G1; diện tích còn lại 1.437,7m² do ông G1 nhận thầu của UBND xã H, nên không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ 30% là đúng quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện về phần này là không có căn cứ.

Đối với phương án không bồi thường vật kiến trúc; đơn giá khối lượng đắp ao. UBND xã H xác định phần tài sản (vật kiến trúc) gia đình xây dựng năm 2018, tại thời điểm xây dựng đã bị lập biên bản, UBND huyện V đã căn cứ vào Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 và Quyết định số 21 ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Q (bổ sung kèm theo Quyết định 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q) là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện về phần này là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho những người thừa kế theo pháp luật của ông G1 thành hỗ trợ cho ông C: Theo điểm a khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì việc hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề chỉ được áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng, sản xuất đất nông nghiệp bị thu hồi. Năm 2011, ông G1 chết thì vợ chồng ông C tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp các thửa đất và là người đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất bị thu hồi. Việc UBND huyện V thu hồi đất và lập phương án bồi thường năm 2019 cho 06 người con của ông G1

là chưa đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ 05 người con còn lại của ông G1 có đang sinh sống và trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất bị thu hồi hay không? Mà cho rằng vợ chồng ông C, bà D không phải là người có đất bị thu hồi nên không có quyền yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về phần này là chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện trong giải quyết vụ án.

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông C, kháng nghị của VKSND tỉnh Quảng Ninh; hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện cũng như văn bản có liên quan đến đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định tư cách những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Văn bản số 5653/UBND-TD4 ngày 19/8/2020 UBND tỉnh Q là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có trường hợp đương sự vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu tập nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, xét xử vắng mặt những đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định.

[2.1] Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định.

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND tỉnh Q về việc thu hồi và tạm giao 100ha đất của một số hộ dân và của UBND huyện V để tạm giao cho Công ty TNHH C2 để thực hiện dự án Khu D. Tại Quyết định số 759/QĐ-UB ngày 17/12/2002, UBND huyện V phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng dự án du lịch sinh thái Bái Tử Long - xã H, huyện V “Trong đó có diện tích đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn G1 (ông G1 chết năm 2011, không có di chúc và chưa có việc phân chia tài sản”.

Ngày 11/4/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1169/QĐ-UBND “Về việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C2 thuê đất để đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái tại xã H, huyện V”.

Ngày 21/7/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2826/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất của Công ty TNHH C2 cho Công ty Cổ phần Đ3 thuê 707.274,6 m² đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để đầu tư xây dựng Khu D tại xã H, huyện V.

Ngày 08/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3026/QĐ-UBND “Về việc thu hồi 667.598,3m² đất của Công ty cổ phần Đ3 và cho Công ty Cổ phần Đ4 tiếp tục thuê đất để thực hiện dự án Khu D tại xã H, huyện V”.

Ngày 11/4/2018, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1138/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu T tại xã H, huyện V - tên cũ là Khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Sonasea Dragon Bay”.

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4964/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.640,7m² đất do UBND xã H quản lý để thực hiện dự án: Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4965/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.551m² đất tại thôn A, xã H, huyện V tỉnh Quảng Ninh của hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1, để thực hiện dự án: Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4966/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã được phê duyệt trước đây cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1, thuộc dự án: Khu T tại xã H, huyện V. Tổng kinh phí gồm 1.768.150.000đ gồm: Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị theo bồi thường theo đơn giá khối lượng về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, biến động nhân khẩu do chia tách hộ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã phê duyệt trước đây: 1.733.480.000đ; Khấu trừ số tiền đã phê duyệt cho hộ dân theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 của UBND huyện V là 40.997.000đ; Số tiền hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá, khối lượng về đất đai, tài sản kiến trúc, cây cối hoa màu, biến động nhân khẩu do chia tách hộ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã phê duyệt trước đây là 1.692.483.000đ; Chi phí lập, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là 34.670.000đ.

Ngày 04/3/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung thu hồi 2.097,7m² đất tại các thửa số 21, 10 tờ bản đồ GPMB số 01 và thửa số 9 tờ bản đồ GPMB số 2 do UBND xã H quản lý để thực

hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V tại Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V.

Ngày 04/3/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung 27,9m² đất thuộc thửa 23a tờ bản đồ GPMB số 01 tại thôn A xã H, huyện V tỉnh Quảng Ninh của các ông, bà thuộc hàng thừa kế theo quy định của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 04/3/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 677/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giá trị phê duyệt bổ sung phương án hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá trị bồi thường tại thời điểm hiện nay với giá trị đã được phê duyệt trước đây cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế theo quy định của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V. Cụ thể như sau: Tổng kinh phí gồm 1.765.581.000đ gồm: Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị theo bồi thường theo đơn giá khối lượng về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, biến động nhân khẩu do chia tách hộ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã phê duyệt trước đây: 1.730.962.000đ; Khấu trừ số tiền đã phê duyệt cho hộ dân theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 của UBND huyện V là 40.997.000đ; Số tiền hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá, khối lượng về đất đai, tài sản kiến trúc, cây cối hoa màu, biến động nhân khẩu do chia tách hộ tại thời điểm hiện nay với giá trị phương án đã phê duyệt trước đây là 1.689.965.000đ; Chi phí lập, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là 34.620.000đ.

Ngày 04/3/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền chênh lệch đã phê duyệt tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V và Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND huyện V. Cụ thể như sau: Tổng giá trị thu hồi số tiền phê duyệt phương án hỗ trợ, chi phí lập, tổ chức thực hiện bồi thường GPMB tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND là 2.568.000đ; Thu hồi số tiền đã phê duyệt phương án hỗ trợ (phần diện tích đất tại thửa số 23a tờ bản đồ GPMB số 01 – do xác định lại chủ sử dụng đất): 2.518.000đ; Thu hồi cho phí lập, tổ chức thực hiện bồi thường GPMB tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND: 50.000đ.

Ngày 13/5/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1720/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C.

Ngày 21/5/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1788/QĐ-CT đính chính Quyết định số 1720/QĐ-CT.

Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2031/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung thu hồi đất do UBND xã H quản lý để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất thuộc thửa 21 tờ bản đồ GPMB số 01 tại thôn A xã H, huyện V tỉnh Quảng Ninh của các ông, bà thuộc hàng thừa kế theo quy định của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2034/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế theo quy định của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1037/QĐ-CT về việc cưỡng chế thu hồi đất của các ông, bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện Quyết định thu hồi đất số 4965/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 và Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND huyện V.

Ngày 24/6/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2374/QĐ-CT về việc cưỡng chế thu hồi đất của các ông, bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn G1 để thực hiện Quyết định thu hồi đất số 2033/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND huyện V.

Ông Nguyễn Văn C khiếu nại Quyết định số 1720/QĐ-CT đến UBND tỉnh Q.

Ngày 19/8/2020, UBND tỉnh Q ban hành văn bản số 5653/UBND-TD4 gửi Thanh tra tỉnh và UBND huyện V nội dung chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C của UBND huyện V.

Ngày 03/9/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3623/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-CT ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V.

Thấy rằng, các Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND huyện về việc thu hồi đất; Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 17/12/2002 về phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Văn G1; Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V về việc thu hồi đất của UBND xã H; Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C; Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 đính chính Quyết định số 1720/QĐ-UBND; Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 điều chỉnh nội dung thu hồi đất của UBND xã H quản lý; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 thu hồi bổ sung 27m² thửa 23a; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 điều chỉnh bổ sung giá trị đã phê duyệt tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND; Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 thu hồi số tiền chênh lệch đã phê duyệt tại Quyết định số 4966/QĐ-UBND và Quyết định số 677/QĐ-UBND; các Quyết định số 1037/QĐ-CT ngày 31/3/2020 và Quyết định số 2374/QĐ-CT ngày 24/6/2020 của

Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất của các ông, bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn G1 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về điều chỉnh nội dung thu hồi đất; Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về thu hồi và Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 phê duyệt phương án bồi thường bổ sung 660m² đất hộ ông G1 quản lý được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, các quyết định này đều căn cứ vào Quyết định số 1720/QĐ-CT, ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông C để ban hành quyết định điều chỉnh nội dung thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường. Nhưng sau đó Quyết định số 1720/QĐ-UBND bị thu hồi, hủy bỏ bởi Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện V nên các quyết định này không đảm bảo đúng về căn cứ pháp lý. Vì vậy, UBND huyện V cần xem xét, xử lý lại về căn cứ pháp lý đối với Quyết định số 2031/QĐ-UBND; Quyết định số 2033/QĐ-UBND và Quyết định số 2034/QĐ-UBND để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 và kiến nghị cách xử lý đối với Quyết định số 1720 ban hành trái quy định của pháp luật và đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3623.

Do không đồng ý với Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 nên ông C khiếu nại đến UBND tỉnh Q. Chủ tịch UBND tỉnh Q đã giao Thanh tra tỉnh xác minh kiến nghị giải quyết vụ việc. Ngày 29/7/2020, Thanh tra tỉnh có Văn bản số 161/BC-TTr Báo cáo kết quả xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C với nội dung kiến nghị UBND tỉnh Q chỉ đạo UBND huyện V thu hồi Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông C, vì lý do ông Nguyễn Văn G1 (là bố của ông C) chết năm 2011, ông G1 không có di chúc cho 6 người con (trong đó có ông C) và gia đình chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế theo điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và chưa xác định được tài sản thừa kế ông C được hưởng; Ông C chưa được 5 người con còn lại cùng hàng thừa kế ủy quyền khiếu nại các quyết định hành chính của UBND huyện V. Căn cứ khoản 4 Điều 11 Luật Khiếu nại quy định về các khiếu nại không

được thụ lý giải quyết, Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C là không đúng quy định, vì ông C không phải là người đại diện hợp pháp của 6 người con của ông G1 (trong đó có ông C) ủy quyền khiếu nại.

Căn cứ văn bản số 161/BC-TTr ngày 29/7/2020 của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh, ngày 19/8/2020 UBND tỉnh Q ban hành văn bản số 5653/UBND yêu cầu UBND huyện V rà soát hồ sơ, quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc đề thu hồi Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C.

Ngày 03/9/2020, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3623/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-CT, ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện V với lý do Việc ban hành Quyết định số 1720/QĐ-CT ngày 13/5/2020 chưa đảm bảo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện cho rằng Quyết định số 3623/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 là trái quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Thấy rằng, Quyết định 1720/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C đề nghị hủy bỏ các Quyết định số 4964/QĐ-UBND, 4965/QĐ-UBND và 4966/QĐ-UBND về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1. Quyết định số 3623/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện V đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1720/QĐ-UBND theo đúng quy định của pháp luật, trong thời hạn khởi kiện, ông C tiếp tục khởi kiện yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 4964/QĐ-UBND và 4966/QĐ-UBND và đã được Tòa án thụ lý thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Tổ tụng hành chính. Do vụ án đã được Tòa án thụ lý giải quyết, nên Chủ tịch UBND huyện V không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) đối với khiếu nại của ông C là đúng quy định tại khoản 9 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011. Nên, Quyết định số 3623/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó ông C yêu cầu hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND là không có căn cứ.

[2.2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V về việc xác định chủ sử dụng đất của thửa 2640,7m² đất do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Buộc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất khi thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1.

Tại Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V đã thu hồi 2640,7m² đất do UBND xã H quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ngày 20/02/2020 UBND xã H có Báo cáo số 20/BC-UBND và Ban hành bản chứng nhận nhà đất. Ngày 04/3/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND trong đó điều chỉnh diện tích đất thu hồi của UBND xã

H là 2097,7m², đồng thời ban hành Quyết định thu hồi đất bổ sung và phê duyệt điều chỉnh giá trị phê duyệt phương án cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 tại Quyết định số 676/QĐ-UBND và Quyết định số 677/QĐ-UBND.

Ngày 22/5/2020, UBND xã H ban hành Bản chứng nhận nhà đất, trong đó có xác định diện tích 660m² thửa đất số 21 tờ bản đồ GPMB số 1 (thuộc các thửa 301, 302 tờ bản đồ giải thửa số 4) là do gia đình ông G1 quản lý sử dụng ổn định từ năm 1990 vào mục đích sản xuất nông nghiệp; năm 2002 đã bồi thường cho UBND xã H tại Quyết định số 759/QĐ-UBND về phê duyệt phương án đền bù GPMB dự án Khu D tại xã H, huyện V.

Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2031/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung thu hồi đất do UBND xã H quản lý để thực hiện dự án Khu T tại xã H, huyện V tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND huyện V.

Ngày 10/6/2020, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND và Quyết định số 2034/QĐ-UBND về thu hồi đất và phê duyệt phương án đối với diện tích 660m² cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1.

Thấy rằng, Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 được UBND huyện V ban hành về việc thu hồi 2640,7m² đất do UBND xã H quản lý đã được điều chỉnh về nội dung có liên quan đến diện tích đất thu hồi do UBND xã H xác định lại chủ sử dụng đất là có căn cứ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện V về việc xác định chủ sử dụng đất của thửa 2640,7m² đất do UBND xã H quản lý. Buộc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất khi thu hồi 2640,7m² là đất của hộ ông Nguyễn Văn G1 là không có căn cứ.

[2.2.3] Đối với yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 UBND huyện V về các nội dung:

- + Tỉ lệ bồi thường 30% số diện tích 2640,7m²;
- + Không bồi thường công trình kiến trúc;
- + Đơn giá khối lượng đắp ao;
- + Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, tìm kiếm việc làm.

Buộc UBND huyện V lập phương án sửa đổi các phần nêu trên như sau:

- + Bồi thường với tỉ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 2640,7m²;
- + Bồi thường vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi;
- + Áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448đồng/m³ thành đơn giá 284.667đồng/m³;

+ Sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành vợ chồng tôi là Nguyễn Văn C – Ngô Thị Ngọc D.

Thấy rằng, diện tích 2640,7m² sau khi được rà soát, điều chỉnh đã được xác định được bồi thường một phần cho các ông, bà thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 tại các Quyết định số 676/QĐ-UBND, Quyết định số 677/QĐ-UBND, Quyết định số 2033/QĐ-UBND và Quyết định số 2034/QĐ-UBND. Phần diện tích đất UBND xã H quản lý được xác định là 1437,7m² tại Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 (hỗ trợ 30%) là đúng quy định.

Do đó, yêu cầu bồi thường với tỉ lệ 100% và hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 2640,7m² là không có căn cứ.

* Theo bản chứng nhận nhà đất, tài sản gắn liền với đất của UBND xã H lập đối với hộ ông Nguyễn Văn G1 thì tài sản là vật kiến trúc gia đình xây dựng từ năm 2018, tại thời điểm xây dựng đã bị lập biên bản. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND, ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q thì phần tài sản này không được bồi thường. Do đó, yêu cầu bồi thường vật kiến trúc gắn liền với đất bị thu hồi là không có căn cứ.

* Đối với yêu cầu áp dụng đơn giá đắp bờ ao từ đơn giá 92.448đ/m³ thành đơn giá là 284.667đ/m³: Tại phiên tòa người khởi kiện cung cấp 01 đơn xin xác nhận về việc đắp bờ ao bằng thủ công có chữ ký của một số nhân chứng nhận là người đã đào đắp ao. Ngoài ra, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu hợp pháp nào khác về hồ sơ đào đắp ao như hợp đồng đào đắp ao, hồ sơ về khối lượng, hồ sơ thiết kế, thi công, hồ sơ thanh quyết toán ... chứng minh việc đào đắp ao bằng phương pháp thủ công. Do đó, UBND huyện lập phương án bồi thường với đơn giá là 92.448đ/m³ theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Q về việc bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q là đúng quy định.

* Đối với yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 thành chủ thể được hưởng vợ chồng ông, bà Nguyễn Văn C - Ngô Thị Ngọc D, vì vợ chồng ông bà là người trực tiếp sản xuất trên thửa đất của ông G1, năm 2011 đã được ông G1 viết giấy tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của thôn.

Căn cứ Điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai quy định như sau:

“Điều 66. Thời hạn thống nhất thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất bằng Giấy chứng nhận. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, người sử dụng đất phải có Giấy chứng nhận mới được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”.

Thấy rằng, thửa đất bị thu hồi của ông G1 một phần có nguồn gốc nhận khoán, một phần được xác định là khai hoang, thửa đất của ông G1 chưa được cấp GCNQSD đất. Năm 2011, ông C cho rằng ông G1 tặng cho, chuyển nhượng diện tích đất bị thu hồi cho vợ chồng ông, nhưng chưa đủ căn cứ pháp lý cũng như các con của ông G1 không thừa nhận việc này, nên người có đất bị thu hồi vẫn được xác định là ông G1. Năm 2011 ông G1 chết và không có di chúc phân chia di sản, đến thời điểm thu hồi đất (năm 2019) các ông, bà thuộc diện thừa kế chưa thực hiện việc chia thừa kế. Nên, xác định ông C và bà D không phải là người có đất bị thu hồi cũng như UBND đã áp dụng cho ông G1 được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm đầy đủ đối với diện tích đất bị thu hồi là bảo đảm quyền lợi cho người sử dụng đất. Khi UBND trả tiền, các con ông G1 đã nhận tiền và đã phân chia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ ông G1 chuyển sang vợ chồng ông C, bà D là có căn cứ.

[2.2.4] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện V tiến hành việc kiểm đếm khối lượng đào ao và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khối lượng đào ao.

Căn cứ bản chứng nhận nhà đất thể hiện diện tích 2790,7m² là đất nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc do hộ gia đình ông Nguyễn Văn G1 khai phá, sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đã được bồi thường là đất nuôi trồng thủy sản ngọt – Hồ đầm nội địa theo diện tích thực tế kiểm đếm. Hộ gia đình ông G1 không cung cấp được hồ sơ, tài liệu về việc đào ao như đã nêu trên.

Do đó, yêu cầu buộc UBND huyện V tiến hành việc kiểm đếm khối lượng đào ao và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khối lượng đào ao là không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các quyết định hành chính khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Căn cứ nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông C và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông C không đưa ra được căn cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm, để làm căn cứ chấp nhận kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C

cũng như với nhận định nêu trên thì Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngoài ra, đối với yêu cầu của ông C, bà D về việc yêu cầu sửa chủ thể được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm từ ông G1 chuyển sang vợ chồng ông C, bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện xác định toàn bộ số tiền chi trả do thu hồi đất của ông G1, trong đó có khoản tiền là chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi tìm kiếm việc làm thì các con của ông G1 đã tự nguyện phân chia tại UBND xã. Do đó, vợ chồng ông C thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0016200 ngày 26/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn, kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: PHC-TP, HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Đặng Văn Hưng**